

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1999

Cư trú: Số 10 khóm H1, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1990

Cư trú: Số 3/26A, khóm Th, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nh có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nh tự nguyện quen biết và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay bà yêu cầu ly hôn. Căn cứ để yêu cầu ly hôn gồm: Sau khi kết hôn ông Nh không quan tâm đến vợ con, tụ tập bạn bè ăn nhậu, bỏ bê vợ con, nhậu về còn quậy phá gia đình, thời gian sau này lại bài bạc. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn và cho cơ hội nhưng vẫn không sửa đổi.

- Về con chung: Bà và ông Nh có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Th1 sinh ngày 31 tháng 3 năm 2018, con chung hiện sống với bà H, sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Nh trình bày:

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ với vợ con, ông không muốn ly hôn, ông còn yêu vợ, vợ chồng mâu thuẫn không có lớn. Ông đã bỏ cờ bạc, đã có việc làm để trả nợ nần, trang trải cuộc sống. Vợ ông muốn ông về Tịnh Biên ở, ông đã về ở thử nhưng không được vì không có việc làm ổn định.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Nh: Thay đổi ý kiến, đồng ý ly hôn với bà H, đồng ý giao con cho bà H nuôi ông không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bà H, ông Nh quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn và không chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải nhưng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của

nguyên đơn. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th1, sinh năm 2018, hiện cháu sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H xin tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nh cũng đồng ý giao con cho bà H. Nên cần đảm bảo ổn định về tinh thần và quyền lợi mọi mặt cho con chung theo quy định tại Điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do bà H không yêu cầu nên ông Nh không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thanh Nh kết hôn có đăng ký kết hôn; bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung, còn ông Nh là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nh tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X. Bà H cho rằng vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông Nh tụ tập uống rượu, cờ bạc. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà H kiên quyết xin ly hôn. Ông Nh tại phiên tòa cũng đồng ý ly hôn. Hiện vợ chồng bà H và ông Nh không còn chung sống. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà H và ông Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà H xác định bà và ông Nh có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th1, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2018. Bà H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Tại phiên tòa ông Nh cũng đồng ý giao con chung là cháu Th1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ông không cấp dưỡng cho con. Hiện nay, cháu Th1 đang sống cùng với bà H. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu Th1, tạo điều kiện cho cháu phát triển

bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung và vấn đề cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Nh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh Nh.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thanh Nh có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Th1, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Th1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H và thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Th1.

Ông Nguyễn Thanh Nh không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng Th1.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007505 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. M, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang